

ĐẢO PHÚ QUÝ DƯỚI THỜI CHÚA NGUYỄN⁽¹⁾

ĐỒ BANG

Mở đất Đàng Trong, các chúa Nguyễn tiếp nhận một gia tài biển cả với nhiều nguồn lợi về thiên nhiên do biển đảo mang lại. Kế thừa truyền thống của chủ nhân “sống trước biển” thời Champa, các chúa Nguyễn không chỉ phát huy ngành hàng hải mà còn tận dụng mọi khả năng kinh tế do biển đảo mang lại để làm lợi cho vương quốc. Cùng với nông nghiệp, thủ công nghiệp và thương nghiệp, ngành kinh tế biển đã ra đời từ thời chúa Nguyễn. Vận tải biển, đánh bắt hải sản, khai thác tài nguyên thiên nhiên và sản vật do tàu đắm, chế biến hải sản... hàng năm mang lại một số lợi nhuận đáng kể cho nhà nước và nhân dân qua sản phẩm

thu được và nộp thuế trực tiếp cho phủ chúa tại Phú Xuân. Một trong những địa chỉ xuất hiện và có đóng góp quan trọng trong việc khai thác kinh tế và bảo vệ chủ quyền biển đảo dưới thời chúa Nguyễn là đảo Phú Quý.

1. VỊ TRÍ, TÊN GỌI VÀ TÀI NGUYÊN QUẦN ĐẢO PHÚ QUÝ

Phú Quý là một huyện đảo nằm về phía Đông của tỉnh Bình Thuận, có tọa độ địa lý 10°29' - 10°33' vĩ độ Bắc và 108°55' - 108°58' kinh độ Đông và cách thành phố Phan Thiết 56 hải lý⁽²⁾. Phú Quý là đảo lớn nhất, cụm đảo này còn có 9 hòn đảo nhỏ vây bọc xung quanh, 6 đảo ở gần là Hòn Trứng Lớn nằm về phía Tây Bắc đảo Phú Quý, cách 5 hải lý, diện tích 3.600 m²; Hòn Đen, vì có đá màu đen, còn



Vạn An Thạnh

gọi là hòn Nghiên, diện tích 23.100 m²; hòn Đò, vì có đá màu đỏ, còn gọi là hòn Bút, diện tích 28.500 m², hòn Giữa là một vỉa đá kết nối giữa hòn Đen và hòn Đò; Hòn Tranh ở về phía Đông Nam của đảo Phú Quý, cách Phú Quý 500 mét, xa hơn về phía Đông Nam hòn Tranh có hòn Trứng Nhỏ.

Các đảo ở xa có hòn Hải (hòn Khảm), cách đảo Phú Quý 35 km về phía Nam có diện tích 46.100 m²; hòn Đò (có hòn Đò Lớn và hòn Đò Nhỏ), cách đảo Phú Quý 27 hải lý về phía Nam⁽³⁾ có diện tích 38.900 m², là nơi cư trú của nhiều loài chim biển; hòn Tý (hòn Vung) cách hòn Hải 3 hải lý về phía Tây Bắc, có diện tích 5.800 m², cũng còn gọi là hòn Tiên, vì theo truyền thuyết, tại đây đã tìm thấy nhiều loại tiền cổ. Ngoài ra, còn có hòn Tro (hòn Mối), hình thành do một hiện tượng tạo sơn của núi lửa phun trào kéo dài trong 3 tháng vào năm 1923, rồi biến mất, nay còn lại bãi đá ngầm sâu dưới mặt nước 33 mét, có kích thước 700 m x 500 m⁽⁴⁾.

Phú Quý trong lịch sử có nhiều tên gọi khác nhau, văn bản Hán Nôm sưu tầm ở địa phương niên đại cuối thế kỷ XVIII, có tên Cù Lao Khoai Xứ⁽⁵⁾, được giải thích nguồn lương thực ban đầu trên đảo là khoai do một nhóm ngư dân ở các tỉnh miền ngoài vào đánh bắt hải sản và vô tình để lại các củ giống rồi phát triển thành một vùng đảo có nhiều khoai⁽⁶⁾. Lê Đản trong sách *Nam Hà tiếp lục*, viết về phủ Bình Thuận thời chúa Nguyễn, gọi là Cù Lao: " Bên ngoài biển có núi Mũi Diên, thế núi nếp xuống. Núi có chín khúc, có cầu Cù Lao. Ngoài cửa Phan Thiết cũng có núi Cù Lao"⁽⁷⁾.

Ngoài ra, theo hình thù của đảo, nên Phú Quý còn có tên Cổ Long hay Cù Lao Thu; chính danh trong sách sử triều Nguyễn có tên là Thuận Tĩnh⁽⁸⁾, Phú Quý⁽⁹⁾. Người phương Tây đặt tên hòn đảo này là Poulo cecir de mer.

Địa hình đảo Phú Quý có núi, gò đồi, đồng ruộng, bờ bãi. Có 3 ngọn núi cao nhất là núi Cấm (108 mét), có ngọn hải đăng dựng vào năm 1996, là phao tiêu cho các chuyến hải hành của ngư dân Phú Quý, núi Cao Các (65 mét), núi Đụn (44,9 mét). Địa hình gò đồi xuất hiện khắp nơi từ chân núi, đất canh tác đến đất thổ cư có độ cao trung bình từ 10- 20 mét, bờ bãi trung bình từ 5-10 mét. Bãi biển thôn Triều Dương có độ cao 2 mét so với mực nước biển, là bãi cát thoải dần về phía Nam dành cho tắm biển, nhưng đáy biển có nhiều đá san hô lởm chởm, cần tránh va chạm.

Đất là một tài nguyên quý của đảo Phú Quý, với nền đất feralit nâu đỏ nên trồng được nhiều cây ăn quả, nổi tiếng như na (mãng cầu), nhãn, nghề trồng bông dệt vải trước đây rất nổi tiếng, cây dừa đại mộc khắp nơi để đan võng, đan lưới...

Nham thạch Phú Quý có giá trị đặc trưng trong xây dựng nhà cửa là đá quánh, còn gọi là đá chai, được khai thác trong các hầm từ lòng đất ở các vùng ven biển có độ sâu khoảng 5 mét để làm gạch thiên nhiên rất tốt.

Tài nguyên động vật biển ở Phú Quý rất phong phú và có giá trị kinh tế cao, như: đồi mồi, tôm hùm, cua huỳnh đế, cua mặt trăng, ốc xà cừ ngọc nữ...dùng làm mặt hàng mỹ nghệ. Biển Phú Quý cách bờ khoảng 1000 mét có nhiều loại hải sâm (đồn đột); sâu dưới biển có nhiều san hô lúc phát triển kết thành chùm thành các đảo san hô.

Ngư trường Phú Quý rộng lớn từ bờ ra đến quần đảo Trường Sa, xuống tận vùng biển Indonesia, là vùng có nhiều loại cá nổi sinh sống như: cá mú chiên, cá mú giấy,



Văn bản Cảnh Hưng năm thứ 60 (1799)

hồng heo, hồng thèn, hồng chuối, hồng chừ...và nhiều loại mực. Các cồn nổi, gò, bãi cạn xung quanh vùng biển Phú Quý là nơi lưu trú của nhiều loại cá mập, cá cào, cò, bống⁽¹⁰⁾... có giá trị kinh tế cao, là ngư trường truyền thống đánh bắt của ngư dân Phú Quý, Phan Thiết qua nhiều thế kỷ.

2. QUÁ TRÌNH KHAI THÁC VÀ XÁC LẬP CHỦ QUYỀN TẠI ĐẢO PHÚ QUÝ

Phú Quý là một trong quần đảo gần đất liền ở Đàng Trong, nay là một huyện thuộc tỉnh Bình Thuận, là nơi có cư dân Sa Huỳnh, Champa sinh sống từ lâu đời. Người Việt trong quá trình đánh bắt hải sản đã lưu trú, định cư và người Hoa trong quá trình di dân đã dừng lại lập cư trên đảo trước khi chúa Nguyễn Phúc Chu cho lập phủ Bình Thuận vào năm 1697, nay còn để lại các dấu tích, đền thờ và được ghi lại trong nhiều văn bản cổ.

Nhiều mộ vô của cư dân Sa Huỳnh với nhiều đồ tùy táng bao gồm rìu, búa, vòng đeo tay tinh xảo được phát hiện⁽¹¹⁾, đền thờ công chúa Bàn Tranh⁽¹²⁾ cùng nhiều giếng nước cổ của người Chăm tìm thấy trên đảo Phú Quý⁽¹³⁾ và nhiều vùng đất thuộc sở hữu của người Chăm được ghi trong Địa bạ tổng Phú Quý vào triều Minh Mạng (năm 1836) là

(Tiếp theo trang 65)

chúng tích một thời chủ nhân là người Chăm sinh sống trên hòn đảo này. Địa bạ cho biết: Tổng Phú Quý có 21 thôn còn địa bạ (chỉ có thôn Đại Định bị mất địa bạ), tổng số diện tích 2.856 mẫu 2 sào 2 thước 4 tấc; trong đó làng Chăm có:

Dân điền: 86 mẫu 2 thước 4 tấc

Trà nương điền: 88 mẫu 4 sào, 13 thước 1 tấc

Dương điền: 2 mẫu, 2 sào, 7 thước, 5 tấc⁽¹⁴⁾.

Về nhóm ngư dân người Việt sớm có mặt trên đảo Lý Sơn, tương truyền là do ông Huỳnh Tuông ở Cù Lao Ré (Lý Sơn) sau một đợt đánh cá xa khơi bị bão, thuyền dạt vào đảo Phú Quý. Nhìn thấy nơi đây có thể sinh cư tốt, nên ông đã vận động bà con họ Nguyễn, họ Châu ở Cù Lao Ré vào làm ăn và lưu truyền cho đến ngày nay. Trong thời kỳ Trịnh- Nguyễn phân tranh, có nhiều nhóm di dân từ các tỉnh miền Trung vào đây làm ăn và xây dựng cuộc sống mới⁽¹⁵⁾.

Một số lưu dân người Hoa vào thời điểm 1679, sau khi thực hiện chủ trương chống Thanh, phục Minh không thành cũng vào Phú Quý sinh sống, làm ăn.

Cư dân trên đảo Phú Quý có nhiều nguồn gốc khác nhau và hành nghề cũng khác nhau: người Chăm, người Việt đánh cá, trồng lúa, làm vườn, dệt vải, đan lưới, đan võng, trong đó nghề dệt bạch bố rất nổi tiếng; người Hoa với nghề dệt lụa, buôn bán.

Chính quyền Đàng Trong đã cho lập đội Hải Môn ở đảo Phú Quý, lúc bấy giờ gọi là Cù Lao Khoai để đánh bắt hải sản và thu nhật hàng hóa của các con tàu bị đắm ở Biển Đông, Lê Quý Đôn cho biết: "Ở ngoài biển phủ Bình Thuận có núi gọi là Côn Lôn, rộng mấy dặm, cũng nhiều yến sào. Ở ngoài nữa có núi gọi là Cù Lao Khoai trước có nhiều hải vật và hóa vật của tàu, lập thành đội Hải Môn để lấy⁽¹⁶⁾".

Các tầng lớp cư dân lao động này đã thực sự đã làm chủ hải đảo Phú Quý trong nhiều thập kỷ, đến thời vua Lê Hiến Tông, niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), tương ứng với thời chúa Nguyễn Phúc Khoát, Nguyễn Phúc Thuần ở Đàng Trong, đảo Phú Quý đã có 14 làng và 1 ấp. So với Cù Lao Chàm, Côn Đảo, Phú Quốc thì đây là số đơn vị hành chính cấp cơ sở của một hải đảo ở Đàng Trong nhiều nhất hồi bấy giờ.

Các làng, ấp ở Phú Quý vào cuối thế kỷ XVIII, có tên: Thoại Hải, Thới Hanh, Thới An, Hội Thiên, Hội Hưng, Ty Lăng, Mỹ Xuyên, Phú Ninh, An Hòa, Hải Châu, Triều Dương, Hội An, Mỹ Khê và ấp Quý Thạnh⁽¹⁷⁾.

Dưới thời Tây Sơn, Phú Quý là nơi tranh chấp quyết liệt giữa quân đội Tây Sơn và Nguyễn Ánh được thể hiện qua nhiều văn bản Hán Nôm⁽¹⁸⁾ và di tích trên đảo Phú Quý⁽¹⁹⁾.

Nhờ vào vị trí là đảo gần bờ, có nhiều tài nguyên thiên nhiên động thực vật phong phú trên đảo, dưới biển và trong lòng đất, nên Phú Quý đã có một lịch sử khai thác kinh tế lâu đời, từ thời Sa Huỳnh, Champa đến thời các chúa Nguyễn, hiện còn để lại nhiều dấu tích của làng Chăm và quá trình tụ cư lập làng của các nhóm cư dân người Việt cùng sự ra đời của đội Hải Môn để khai thác yến sào và sản vật ở đảo Phú Quý, Côn Đảo⁽²⁰⁾ là những minh chứng lịch sử của quá trình lao động xây dựng quê hương và bảo vệ chủ quyền biển đảo. ■

CHÚ THÍCH

1. Công bố này thuộc nội dung để tài Tập XI, Lịch sử Việt Nam, Mã số KHXH-LSVN.11/14-18
2. Tương ứng với 103,68km
3. Hòn Hải nằm trên đường Cơ sở của lãnh hải Việt Nam, có tọa độ địa lý 9°58' vĩ độ Bắc và 109°05' kinh độ Đông.
4. Đảng bộ huyện Phú Quý (2007), *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Phú Quý- Bình Thuận, tr. 15,16, 19.
5. Làng Mỹ Khê có văn bản niên hiệu Thái Đức thập nhị niên (tức năm 1779), thập nhị nguyệt, thập thất nhật lập khế, 2 tờ, nội dung về đất đai. Làng Mỹ Khê có văn bản niên hiệu Thái Phước cửu niên, thất nguyệt, thập lục nhật, 2 tờ, nội dung về đất đai.
6. Làng Mỹ Khê có văn bản niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 56 (tức năm 1795), tháng 2, ngày 5, 2 tờ, nội dung về đất đai.
7. Chùa Linh Quang có bản văn niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 58 (tức năm 1797), tháng giêng, ngày 8. 4 tờ, nội dung về đất đai.
8. Đảng bộ huyện Phú Quý (2007), *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 20.
9. Lê Đán, *Nam Hà tiếp lục* (1811), Bản dịch Trần Đại Vinh, Tạp chí Nghiên cứu và phát triển, số 3-4/2012, Huế, tr. 65.
10. Tên Thuận Tinh được ghi trong sách *Đại Nam nhất thống chí*: "Đào Thuận Tinh: ở huyện Tuy Phong; ngoài biển nổi vọt một hòn núi, thẳng đến bờ biển Phan Rí, dưới đảo là bãi cát, bốn mặt có người ở, gồm 11 thôn, hàng năm biệt nạp thuế vải, có thú sở ở đây; lấy thổ hào quản lãnh" (Quốc sử quán triều Nguyễn (1994- bản dịch), *Đại Nam nhất thống chí* Tập 3, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr. 137).
11. Tổng Phú Quý và thôn Phú Quý có tên trong địa bạ triều Nguyễn tỉnh Bình Thuận vào năm 1836 (Nguyễn Đình Đầu (1996), *Nghiên cứu Địa bạ Triều Nguyễn*, Bình Thuận, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 334. Như vậy, tên Phú Quý ra đời trước năm 1836, chứ không phải đến năm Thiệu Trị thứ 4 (1844) như nhiều công bố tại địa phương từ trước đến nay (Đảng bộ huyện Phú Quý, *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 21).
12. Đảng bộ huyện Phú Quý (2007), *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 14-15.
13. Đảng bộ huyện Phú Quý (2007), *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 20.
14. Công chúa Bàn Tranh phạm tội, bị vua cha đày ra đảo Phú Quý, nay còn đến thờ tại xã Long Hải, được công nhận di tích Quốc gia năm 2015 (QĐ số 227/QĐ/ BVHTTDL, ngày 28/01/2015).
15. Kết quả đợt khảo sát vào tháng 8 năm 2017, chúng tôi xác nhận có 1 giếng ở thôn Quý Hải, xã Long Hải, 2 giếng ở thôn Tân Hải, trong đó có 1 giếng nước rất tốt, dân đang sử dụng để uống.
16. Nguyễn Đình Đầu (1996), *Nghiên cứu Địa bạ Triều Nguyễn*, Bình Thuận, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 334.
17. Đảng bộ huyện Phú Quý (2007), *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 24.
18. Lê Quý Đôn (bản dịch, 1964), *Phủ biên tạp lục*, Nxb. Khoa học. Hà Nội, tr. 120.
19. Đảng bộ huyện Phú Quý (2007), *Huyện Phú Quý- Những chặng đường lịch sử*, Sđd, tr. 26.
20. Làng Mỹ Khê có văn bản niên hiệu Thái Đức thập nhị niên (tức năm 1779), thập nhị nguyệt, thập thất nhật lập khế, 2 tờ, nội dung về đất đai. Làng Mỹ Khê có văn bản niên hiệu Thái Phước (có lẽ nghi nhầm của Thái Đức) cửu niên, thất nguyệt, thập lục nhật, 2 tờ, nội dung về đất đai. Làng Mỹ Khê có văn bản niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 56 (tức năm 1795), tháng 2, ngày 5, 2 tờ, nội dung về đất đai. Chùa Linh Quang có bản văn niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 58 (tức năm 1797), tháng giêng, ngày 8. 4 tờ, nội dung về đất đai.
21. Hòn Tranh và chùa Linh Quang là nơi lưu lại nhiều cuộc đung độ giữa quân Tây Sơn và Nguyễn Ánh.
22. Lê Quý Đôn (Bản dịch - 1964), Sđd, tr. 120.